

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 85 /2026/DS-PT

Ngày 04 - 02 - 2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Ông Trần Minh Quang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 413/2025/TLPT-DS ngày 10/11/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 488/2025/QĐ-PT ngày 12/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ hiện nay: Số C N, phường B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy C, sinh năm 1976; địa chỉ: Buôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Phi T1; địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Ngọc Bảo N; địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk- Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của ông T1, bà N: Bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Lê Anh T2; địa chỉ: Số A H, phường B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2025) – Đều vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thùy C bạn bè với nhau, bà C đã nhiều lần vay tiền của bà T, trong đó những lần vay đến nay bà C còn nợ là:

Lần 1: Ngày 03/5/2025 vay 120.000.000 đồng; Lần 2: Ngày 10/5/2025 vay 30.000.000 đồng. 02 lần vay này tổng là 150.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 12/5/2025.

Lần 3: Ngày 15/5/2025 vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 16/5/2025.

Lần 4: Ngày 19/5/2025 vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 20/5/2025.

Tổng cộng là 700.000.000 đồng; các khoản vay này có lập các Giấy vay tiền ngày 10/5/2025, ngày 15/5/2025 và ngày 19/5/2025.

Bà T đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà C vẫn không trả, nên bà T yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà C phải có nghĩa vụ trả cho bà T tiền vay gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/5/2025 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm 10/9/2025, theo lãi suất 10%/năm là $700.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times (112 : 30) \text{ ngày} = 20.906.000 \text{ đồng}$.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy C trình bày:***

Bà C thừa nhận có vay và nợ tiền của bà T 04 lần đúng như bà T trình bày, nhưng cũng do bị người khác nợ nên chưa có tiền trả cho bà T. Tại đơn xin xét xử vắng mặt Toà án nhận được ngày 10/9/2025, bà C trình bày đã trả cho bà T 50.000.000 đồng, đến nay còn nợ bà T 650.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/5/2025 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm, theo lãi suất 10%/năm.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi T1, bà Nguyễn Ngọc Bảo N có người đại diện uỷ quyền là bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Lê Anh T2 trình bày:***

Ông T1 và bà N có thoả thuận nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Thùy C thửa đất số 2909, tờ bản đồ số 9, diện tích 342,4m² tại xã E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk với giá 2.500.000.000 đồng. Ngày 10/6/2025, hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng tại Văn phòng C2, cùng ngày bà C đã bàn giao đất và tài sản trên đất cho ông T1, bà N quản lý, sử dụng. Trong quá trình làm thủ tục sang tên thì thửa đất nêu trên bị Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, do đó giữa ông T1, bà N và bà C không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 10/6/2025. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1, bà N, đề nghị Toà án xem xét công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 10/6/2025 được ký kết giữa ông Nguyễn Phi T1, bà Nguyễn Ngọc Bảo N với bà Nguyễn

Thị Thúy C1. Trường hợp Toà án không công nhận hợp đồng nêu trên thì buộc bà Nguyễn Thị Thùy C phải trả lại cho ông T1, bà N số tiền đã nhận là 2.500.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 19 Nghị quyết 02/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy C phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T tiền vay còn nợ là 720.906.000 đồng, trong đó gồm tiền gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi 20.906.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thùy C phải chịu 32.836.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 16.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2023/0006959 ngày 16/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Đắk Lắk).

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 07/2025/QĐ-QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2025 về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” để bảo đảm cho việc thi hành án và Quyết định số: 08/2025/QĐ-BPKCTT ngày 30/6/2025 về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk). Phần tuyên về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo và

kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 25/9/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy C; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk. Đối với kháng cáo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2025/QĐ-QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2025 của bị đơn: Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được ban hành độc lập, được thực hiện theo trình tự, thủ tục riêng biệt, là đối tượng của khiếu nại, kiến nghị chứ không phải là đối tượng khởi kiện, kháng cáo nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà C thừa nhận có vay và ký vào các giấy vay tổng số tiền 700.000.000 đồng của bà T. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm đề ngày 09/9/2025 và tại đơn kháng cáo, bà C cho rằng đã chuyển khoản trả cho bà T 50.000.000 đồng, nên bà C chỉ còn nợ bà T 650.000.000 đồng tiền gốc và cho rằng số tiền lãi 20.906.000 đồng cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà phải trả cho bà T là sai. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà C xác định bà nhớ nhầm là bà đã trả cho bà T số tiền gốc 50.000.000

đồng. Nay bà C xác định lại hiện bà C còn nợ bà T số tiền gốc vay là 700.000.000 đồng; đối với số tiền lãi 20.906.000 đồng cấp sơ thẩm buộc bà phải trả cho bà T là đúng, bà C không có ý kiến gì chỉ xin bà T cho bà C không phải trả tiền lãi, mà chỉ trả tiền gốc vay 700.000.000 đồng và được trả nhiều lần. Vì hiện tại bà C có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và đang còn nợ nhiều người nên không có khả năng trả cho bà T số tiền lãi và tiền gốc cùng một lúc được. Nhưng bà T không đồng ý với yêu cầu này của bà C, bà T yêu cầu bà C trả tiền gốc và tiền lãi đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bà C, cần buộc bà C phải trả cho bà T số tiền gốc vay 700.000.000 đồng và tiền lãi vay 20.906.000 đồng là tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 21/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2025 là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bà C yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 07/2025/QĐ-QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2025 về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của TAND huyện Cư Kuin (Nay là TAND khu vực 5 – Đắk Lắk) do giá trị tài sản bị phong tỏa lớn hơn số nợ 700.000.000 đồng:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thì “*Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa vụ chứng minh giá trị tài khoản, tài sản bị phong tỏa. Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của tài liệu liên quan đến việc xác định giá trị tài sản và tài khoản cần phong tỏa. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và quy định pháp luật liên quan để xác định giá trị tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời*”. Tại biên bản làm việc ngày 16/6/2025, bà T là người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã xác định giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 2909, tờ bản đồ số 9, diện tích 342,4m² tại xã E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk của bà C có giá trị thị trường khoảng 700.000.000 đồng là tương đương với khoản nợ 700.000.000 đồng bà C đang nợ bà T. Đồng thời, bà T cam kết nếu xảy ra thiệt hại gì đối với đương sự hoặc với người thứ ba thì bà T xin chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định pháp luật. Do đó, bà T phải tự chịu trách nhiệm về giá đưa ra, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giá trị tài sản phong tỏa mà bà T cung cấp để buộc bà T nộp tiền bảo đảm cho việc áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản của bà C. Hơn nữa Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2025/QĐ-QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk) là Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được ban hành độc lập, được thực hiện theo trình tự, thủ tục riêng biệt, là đối tượng của khiếu nại, kiến nghị chứ không phải là đối tượng khởi kiện, kháng cáo và Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của

Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk có tuyên về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo và kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn bà C là không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk là phù hợp.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy C.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 19 Nghị quyết 02/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 6, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy C phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay còn nợ là 720.906.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn đồng*) trong đó gồm tiền gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi 20.906.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy C phải chịu 32.836.000 đồng (*Ba mươi hai triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2023/0006959 ngày 16/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Đắk Lắk).

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001065 ngày 26/9/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Đắk Lắk, thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng (Viện phúc thẩm 2);
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 5 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ My